

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 05/5/2022.
“V/v tranh chấp dân sự về hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triễn.
2. Ông Nguyễn Duy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2021/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp dân sự về hui*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Phước H, *sinh năm:* 1964.

Địa chỉ: 268A, ấp Tân Lộc A, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Thị L, *sinh năm:* 1965.

Địa chỉ: 143/TLB, ấp Tân L- B, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Văn Bé E, *sinh năm* 1965. *Địa chỉ:* 143/TLB, ấp Tân Lộc B, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Nguyên đơn bà Lê Thị Phước H trình bày :*

Bà Lê Thị Phước H có tham gia chơi hui do bà Trần Thị L làm chủ cụ thể gồm các phần hui như sau:

Hụi 2.000.000đ khai ngày 10/10/2019 dl, hụi khai mỗi tháng 01 lần gồm có 20 hụi viên, bà H tham gia 02 phần, bà H đã đóng hụi sống cho 02 phần hụi này mỗi lần đóng là 3.080.000đ. Hụi này mãn ngày 10/01/2021 tổng cộng bà H đã đóng 3.080.000đ x 15 lần là 46.200.000đ.

Hụi 1.000.000đ khai ngày 10/02/2020 dl gồm có 20 hụi viên, bà Hoa tham gia 01 phần đã đóng được 11 lần hụi sống mỗi lần đóng 770.000đ tổng cộng số tiền bà Hoa đã đóng là 8.740.000đ.

Hụi 2.000.000đ khai ngày 10/2/2020dl hụi khai mỗi tháng 01 lần, có 20 hụi viên đây hụi này bà H tham gia 02 phần , bà H đã đóng được 11 lần hụi sống cho 02 phần hụi H tham gia mỗi lần đóng 3.080.000đ. Tổng cộng bà H đã đóng là 33.880.000đ.

Tổng cộng Bà H đã đóng các phần hụi trên là 88.550.000đ (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng).

Nay bà Lê Thị Phước H yêu cầu bà Trần Thị L cùng ông Võ Văn Bé E (chồng bà L) cùng có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ là 88.550.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng), không yêu cầu trả lãi. Bà H yêu cầu bà L và ông Bé E trả một lần hoặc có thời gian trả cụ thể và yêu cầu Tòa ghi nhận việc thời gian cụ thể trả nợ của bà L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà L xác định bà Lê Thị Phước H trình bày của bà H trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa là đúng. Bà H có tham gia hụi do bà L làm chủ hụi như đã trình bày trên. Giấy hụi và giao tiền hụi của bà H cung cấp là đúng với đây hụi do bà L làm chủ hụi và bà H là hụi viên.

Nay bà Lê Thị Phước Ho yêu cầu bà Trần Thị L cùng ông Võ Văn Bé E (chồng bà L) cùng có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ bà H là 88.550.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng), không yêu cầu trả lãi. Bà L không đồng ý trả nợ 1 lần và có thời gian trả nợ cụ thể như bà H yêu cầu vì hiện nay bà L nợ nhiều người bà L sẽ trả nợ theo khả năng của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé E trình bày:
Ông Bé E và Bà L là vợ chồng, quá trình chung sống bà L có làm chủ hụi bà H có tham gia phần hụi do bà L làm chủ hụi như bà H đã trình bày trên là đúng đến nay bà L còn nợ lại bà H số tiền là 88.550.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng), ông Bé E là chồng bà L, việc bà L làm chủ hụi ông Bé E biết và thống nhất và trong quá trình diễn ra việc khai hụi ông Bé E cũng có nhận tiền

đóng hội của các hội viên thay bà L. Nay ông Bé E thống nhất ý kiến của bà L và cùng với bà Lợi trả số nợ trên cho bà H theo yêu cầu của bà H số tiền 88.550.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng), và không có ý kiến trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu tại phiên tòa: về việc tuân theo pháp luật của của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L và ông Bé E cùng có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 88.550.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng) về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án tuyên theo quy định pháp luật.

Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Phước H khởi kiện tranh chấp về đòi nợ hội với bị đơn là bà Trần Thị L nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hội” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ Luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Lộc B, xã Tân D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị Phước H cho rằng hành vi chiếm đoạt tiền hội của bà L đối với bà H là có dấu hiệu tội phạm và yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ đến Công an huyện Lai Vung để điều tra làm rõ, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã ban hành văn bản và chuyển yêu cầu của bà Hoa đến Công an huyện Lai Vung để điều tra làm rõ theo thẩm quyền sau khi xác minh làm rõ Công an huyện Lai Vung đã ban hành văn bản số 172/TL-CAH-ĐTTH ngày 07/3/2022 trả lời kết quả điều tra xác minh yêu cầu của bà Lựu: “...việc tổ chức chơi hội của bà Trần Thị L không có dấu hiệu của tội phạm” nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Phước H yêu cầu bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Lợi số tiền nợ hui là 88.550.000đ (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng).

Bà H khởi kiện bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E đòi nợ hui và bà H đã nộp các tài liệu chứng cứ là các giấy hui để chứng minh cho việc khởi kiện của bà H là có căn cứ, trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án bà L và ông Bé E cũng thừa nhận có làm chủ hui và bà H là hui viên hiện nay bà L còn nợ lại bà H số tiền hui là 88.550.000đ (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng) như bà H trình bày và yêu cầu là đúng. Do phía bị đơn thừa nhận nợ và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn nộp nên thuộc trường hợp các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/4/2022 giữa bà H bà L ông Bé E đã thống nhất số tiền nợ không thống nhất cách trả nợ nên bà H không đồng ý hòa giải mà yêu cầu Tòa đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung không lập biên bản hòa giải thành được vì các đương sự không thỏa thuận được toàn diện vụ án.

Tại phiên tòa bà H, bà L, ông Bé E cũng thống nhất số tiền nợ là 88.550.000đ (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng), nhưng bà H yêu cầu bà L và ông Bé E phải có thời gian trả cụ thể và Tòa án ghi nhận vào bản án, yêu cầu này của bà H bà L và ông Bé E không đồng ý bà L và ông Bé E hứa khi nào có điều kiện thì trả do bà L thiếu nợ nhiều người.

Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà L và ông Bé E phải trả nợ trong thời gian cụ thể và ghi vào bản án là không có căn cứ vì Tòa án chỉ giải quyết việc khởi kiện đòi nợ hui (số tiền nợ) nếu việc khởi kiện có căn cứ pháp luật thì được Hội đồng xét xử chấp nhận còn việc cách thức, thời gian trả nợ, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu đòi nợ của bà H đối với bà L và ông Bé E về số tiền nợ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L và ông Bé E bị buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về “họ, họ, biêu, phường”.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phước H.

Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Phước H số tiền 88.550.000đ (tám mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn đồng).

[2] Về án phí, tam ứng án phí:

Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có nghĩa vụ nộp 4.427.000đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Lê Thị Phước H được nhận lại 2.212.750đ (hai triệu hai trăm mười hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 08/11/2021 theo biên lai thu số 0005823 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 05/5/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bích Thủy